TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08** /2018/DS-ST
Ngày: 18-01-2018
*"V/v Tr/c hợp đồng tín dụng"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lý Văn Hùng;

2. Bà Trần Thị Đổi;

*Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Th Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 532/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: số 108, Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Bà Lê Thị Mỹ D – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C chi nhánh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Mỹ D: Ông Dương C. Chức vụ: Phó phòng giao dịch Đức Hòa Nam. Địa chỉ: 292, ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền số 324/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 29/4/2016)

**- Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

**- Người có quyền nghĩa vụ liên quan:**

Bà Huỳnh Thị Thanh T – sinh năm: 1995.

Ông Huỳnh Phi Ph, sinh năm: 1989.

Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm: 2000.

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt, bị đơn bà Th có đề nghị xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2017 và tại phiên tòa ông Dương C đại diện cho Ngân hàng TMCP C chi nhánh Long An (gọi tắt Ngân hàng C) trình bày:

Ngày 19/01/2016, Ngân hàng C có cho bà Nguyễn Thị Th vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 1650.1901/2016-HĐTD/NHCT700, số tiền cho vay là 70.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10.5%/năm, mục đích vay chăn nuôi bò. Để đảm bảo cho số tiền vay, bà Nguyễn Thị Th thế chấp cho Ngân hàng C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 804101 và AO 804102 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho bà Th ngày 15/10/2009, diện tích 300$m^2$ (loại đất ONT) thuộc thửa số 4494 và diện tích đất 1.388 $m^2$ (loại đất HNK) thuộc thửa 4495 tờ bản đố số 4, đất tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An theo hợp đồng thế chấp số 1650.1901/HĐTC ngày 19/01/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Nguyễn Thị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Khi Hợp đồng tín dụng số 1650.1901/2016-HĐTD/NHCT700 ngày 19/01/2016 đến hạn trả nợ là ngày 19/01/2017, nhưng bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C bất kỳ số tiền nào.

Nay Ngân hàng C yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả một lần nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 18/01/2018, tổng số tiền là 76.412.419đồng, bao gồm: tiền gốc 70.000.000đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn là 6.412.419đồng.

Đồng thời đề nghị trong trường hợp bà Nguyễn Thị Th không Th toán được số tiền nợ trên cho Ngân hàng C thì Ngân hàng được yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AO 804101 và AO 804102 ngày 15/10/2009 do bà Nguyễn Thị Th đứng tên đã ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1650.1901/HĐTC ngày 19/01/2016; buộc những người trong gia đình bà Th đang sinh sống trên đất phải giao đất để phát mãi tài sản .

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày trong biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2017 như sau:

Bà Nguyễn Thị Th thừa nhận ngày 19/01/2016, bà Th có ký vay tiền với Ngân hàng C tại Hợp đồng tín dụng số 1650.1901/2016-HĐTD/NHCT700. Bà Th thống nhất số tiền gốc đã vay là 70.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10.5%/năm, mục đích vay là chăn nuôi bò. Bà Th thừa nhận để đảm bảo cho số nợ vay, bà có thế chấp cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 804101 và AO 804102 do bà Th đứng tên đối với diện tích 300$m^2$ (loại đất ONT)

thuộc thửa số 4494 và diện tích đất 1.388 $m^2$ (loại đất HNK) thuộc thửa 4495 tờ bản đố số 4, đất tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Nay bà Th thừa nhận còn nợ Ngân hàng C số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 04//8/2017 là 71.298.100đồng nhưng do hiện bà Th đang thi hành án phạt tù nên không trả nợ được. Bà Th có đề nghị Ngân hàng cho bà Th gia hạn một thời gian để khi bà Th chấp hành án xong (vào tháng 4 năm 2018) sẽ trả hết cho Ngân hàng số tiền nêu trên, đồng thời bà Th đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt hòa giải, xét xử.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh Thị Th T, anh Huỳnh Thanh D và ông Huỳnh Phi Ph trình bày: Bà Th, anh D là con ruột của bà Th và ông Phà là con rễ của bà Th đang sinh sống trên nhà đất thế chấp cho Ngân hàng C. Nay các ông bà thống nhất bà Th có vay tiền tại Hợp đồng tín dụng số 1650.1901/2016-HĐTD/NHCT700 ngày 19/01/2016 và thống nhất số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000đồng. Nay Ngân hàng C yêu cầu bà Th trả nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/01/2018 với tổng số tiền là 76.412.419đồng thì các ông, bà cũng đồng ý cùng bà Th sau sẽ có trách nhiệm trả nợ vay và thực hiện theo các thỏa thuận mà bà Th đã ký với Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện nguyên đơn không bổ sung, thay đổi hay rút yêu cầu khởi kiện; vẫn giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th không có đơn phản tố; không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

Quan điểm của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án theo qui định tại Điều 262 BLTTDS năm 2015: Giữa Ngân hàng C với bà Nguyễn Thị Th có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản hợp pháp, bà Th thống nhất số nợ gốc nhưng bà Th đề nghị Ngân hàng chờ bà Th chấp hành án phạt tù xong sẽ Th toán, đề nghị này của bà Th không được người đại diện Ngân hàng đồng ý. Do đó, đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2017, Ngân hàng C căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 1650.1901/2016-HĐTD/NHCT700 ngày 19/01/2016 để yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả số tiền gốc 70.000.000đồng và lãi suất. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là còn trong thời hiệu khởi kiện và xác định quan

hệ tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, việc thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39, 40 BLTTDS năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Xét bà Nguyễn Thị Th có đề nghị xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 1650.1901/2016-HĐTD/NHCT700 ngày 19/01/2016 được ký kết giữa Ngân hàng C với bà Nguyễn Thị Th bằng văn bản, mục đích vay là chăn nuôi nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1650.1901/2016-HĐTD/NHCT700 ngày 19/01/2016 và lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị Th thì Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Th có thỏa thuận vay của Ngân hàng C số tiền gốc là 70.000.000đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10.5%/năm, thời hạn trả nợ là ngày 16/01/2017 nhưng bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng C yêu cầu bà Nguyễn Thị Th phải trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/01/2018 với tổng số tiền là 76.412.419đồng được bà Nguyễn Thị Th thống nhất số nợ vay và đồng ý trả nợ nhưng xin gia hạn thời gian trả nợ.

Từ đó, HĐXX xét: Việc bà Nguyễn Thị Th thừa nhận còn nợ Ngân hàng C số tiền gốc, lãi là 76.412.419đồng nhưng bà Th xin gia hạn thời gian trả nợ, đề nghị này của bà Th không được người đại diện Ngân hàng C đồng ý. Do đó, xét Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả một lần số tiền 76.412.419đồng bao gồm: nợ gốc 70.000.000đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn 6.412.419đồng là phù hợp theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hoàn toàn có căn cứ chấp nhận theo qui định các Điều 280, Điều 463, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và việc thỏa thuận lãi suất phù hợp khoản 2 Điều 91, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Đối với đề nghị của Ngân hàng C yêu cầu trong trường hợp bà Nguyễn Thị Th không trả được nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp. HĐXX xét giữa Ngân hàng C và bà Th có ký thế chấp tài sản và thỏa thuận xử lý tài sản đảm bảo tại Hợp đồng thế chấp số 1650.1901/HĐTC ngày 19/01/2016, tài sản thế chấp quyền sử dụng đất do bà Th đứng tên giấy chứng nhận số AO 804101 và AO 804102 cấp cùng ngày 15/10/2009, có đăng ký giao dịch bảo đảm nên giao dịch thế chấp có hiệu lực. Do đó, trong trường hợp bà Th không Th toán được số tiền nợ 76.412.419đồng cho Ngân hàng C thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp là có căn cứ chấp nhận theo qui định các Điều 299, Điều 320 BLDS năm 2015.

Đối với chi phí thẩm định: Buộc nguyên đơn Ngân hàng C phải chịu chi phí thẩm định tài sản thế chấp.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án buộc bà Nguyễn Thị Th chịu án phí DSST sung công quỹ nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, 92, Điều 147, Điều 159, Điều 227, Điều 271 BLTTDS sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 280, Điều 299, Điều 320, Điều 463, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1650.1901/2016-HĐTD/NHCT700 ngày 19/01/2016 với tổng số tiền là 76.412.419đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm mười hai nghìn bốn trăm mười chín đồng*).

2. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Th không Th toán được số tiền nợ 76.412.419đồng thì Ngân hàng thương mại cổ phần C được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Th đứng tên giấy chứng nhận số AO 804101 và AO 804102 cấp cùng ngày 15/10/2009 đối với diện tích 300m$^2$ (loại đất ONT) thuộc thửa số 4494 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 75m$^2$; cùng diện tích đất 1.388m$^2$ (loại đất HNK) thuộc thửa 4495 tờ bản đố số 4, đất tọa lạc tại ấp M, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Buộc những người đang sinh sống trên căn nhà tại thửa đất 4494 gồm: chị Huỳnh Thị Thanh T (con gái bà Th); Huỳnh Thanh D (con trai bà Th); anh Huỳnh Phi Ph (con rể bà Th) phải chấp hành giao tài sản thế chấp cho Cơ quan thi hành án phát mãi theo quyết định của bản án của Tòa án.

Kể từ khi Ngân hàng thương mại cổ phần C có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền chậm trả thì bà Nguyễn Thị Th phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số số 1650.1901/2016-HĐTD/NHCT700 ngày 19/01/2016.

3. Về chi phí thẩm định: Buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu chi phí 1.000.000đồng (Một triệu đồng) tiền thẩm định tại chổ vào ngày 09/01/2018.

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C 1.000.000đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chổ đã nộp.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Th phải nộp 3.820.621đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 1.782.450đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001351 ngày 03/10/2017.

Án sơ thẩm xét xử tuyên án công khai, trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án".

*Nơi nhận:*
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Khắc Linh Duy**